

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hồng Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Duy Bảo  
Ông Dương Thanh Cảnh

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ, thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tâm, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1994.

Trú tại: Xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hào Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An Hiện cư trú tại nước Đức. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:* Chị và anh Nguyễn Hào Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một

thời gian thì đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 11/2018 anh Q đi xuất khẩu lao động tại nước Nga. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc nhưng do ở xa nhau, không tin tưởng lẫn nhau nên không có điều kiện để vun đắp tình cảm mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Đến khoảng giữa năm 2019, anh Nguyễn Hào Q đi từ nước Nga sang nước Đức làm ăn, từ đó đến nay giữa chị và anh Q không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hào Q.

Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Hào Q có hai con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 20/1/2014 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/7/2017. Hiện nay, các cháu đang sống cùng với mẹ. Ly hôn, chị D có nguyện vọng Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị D và anh Q không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hào Q:* Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Nguyễn Hào Q vắng mặt. Chị Phạm Thị D không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh Q cư trú, chị chỉ biết hiện nay anh Q đang sinh sống tại nước Đức. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Vũ Thị H (là bố mẹ đẻ của anh Q) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu họ thông báo với anh Q để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, ông Sinh và bà Huệ cho biết thời gian ở nước ngoài, anh Q thường xuyên liên lạc về với ông bà qua điện thoại nhưng ông bà không cung cấp được địa chỉ của anh Q mà chỉ biết hiện nay anh Q đang sinh sống tại nước Đức. Ông bà đã thông báo cho anh Q biết về việc hiện nay Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị D và anh Q, thông qua ông bà anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị Diện, nhưng đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh Q liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị D ly hôn với anh Nguyễn Hào Q. Về con chung: Đề nghị giao con chung là Nguyễn Công H và Nguyễn Tuấn K cho chị Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên không xem xét, đề nghị dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn khi có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét; dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị D hiện cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hào Q hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh Q có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Hào Q vắng mặt, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tại bà Vũ Thị Huê (là mẹ đẻ của anh Q) yêu cầu bà cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh Q biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, bà không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh Q; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Q liên quan đến yêu cầu khởi kiện nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh Q trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chị Phạm Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Hào Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị D và anh Q chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Khoảng cuối năm 2018, anh Q đi xuất khẩu lao động tại nước Nga rồi sang nước Đức. Từ thời gian đó, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn và ngày càng trở nên trầm trọng. Từ năm 2019, kể từ khi anh Q sang nước Đức đến nay giữa chị D và anh Q không còn liên lạc với nhau, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được;

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Hào Q.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Hào Q có hai con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 20/1/2014 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/7/2017, hiện đang ở với chị Diễm. Ly hôn, chị D có nguyện vọng giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của chị D phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con và điều kiện thực tế về việc nuôi con. Vì hiện nay, anh Nguyễn Hào Q đang ở nước ngoài và cố tình dấu địa chỉ. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Diễm. Giao cho chị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 20/1/2014 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/7/2017 cho đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho chị D khi có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Hào Q.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 20/1/2014 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/7/2017 cho chị Phạm Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D chưa yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hào Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0004811 ngày 06/5/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Hào Q có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã D, H. D;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Thái Thị Hồng Vân**

